

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật

Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định bởi:

Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật như sau¹:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

¹ Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định:”

Thông tư này hướng dẫn chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch, xây dựng, thẩm định, ban hành; rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ; trình bày và thể hiện nội dung; thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia* là quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi toàn quốc đối với đối tượng thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được Chính phủ phân công quản lý.

3.2. *Quy chuẩn kỹ thuật địa phương* là quy chuẩn kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường của địa phương.

II. LẬP VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

1. Việc lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

2. Tùy theo điều kiện và yêu cầu quản lý, các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổ chức việc lập, phê duyệt, sửa đổi, bổ sung quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được Chính phủ phân công quản lý.

Cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ lập, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được Chính phủ phân công quản lý và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

3. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

3.1. Quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải bao gồm mục tiêu mang tính định hướng, lộ trình và giải pháp thực hiện, dự kiến kết quả cho từng giai đoạn quy hoạch và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

3.2. Nội dung của quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải thể hiện tính hệ thống, tính đồng bộ đối với các lĩnh vực và đối tượng cần xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Các đối tượng trong từng lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho từng giai đoạn quy hoạch.

3.3. Nội dung chính quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

III. LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH NĂM NĂM VÀ HÀNG NĂM XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Việc lập và phê duyệt kế hoạch năm năm và hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch năm năm và hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức lập dự thảo kế hoạch năm năm và hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch năm năm và hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

3. Yêu cầu đối với kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật

3.1. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được phê duyệt (nếu có);

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm, hàng năm và điều kiện phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam.

3.2. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phải:

- Đáp ứng yêu cầu quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường, điều kiện phát triển khoa học và công nghệ, quản lý của địa phương.

4. Kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật

4.1. Việc lập và phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ được quy định như sau:

4.1.1. Lập dự thảo kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- Vào quý II của năm trước năm bắt đầu kế hoạch năm năm, căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước và quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được phê duyệt (nếu có), Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức việc lập dự thảo kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được Chính phủ phân công quản lý kèm theo thuyết minh.

Dự thảo kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và thuyết minh được lập theo nội dung quy định tại mục 1, mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì việc lập và phê duyệt kế hoạch gửi dự thảo kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến và đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Bộ, cơ quan ngang Bộ. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là sáu mươi ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì việc lập và phê duyệt kế hoạch tổ chức việc tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

4.1.2. Phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và công khai trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

4.1.3. Sửa đổi, bổ sung kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- Kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc lập và phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các cơ quan thuộc Chính phủ được quy định như sau:

4.2.1. Cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc lập dự thảo kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại tiết 4.1.1 điểm 4.1 khoản 4 Mục này.

4.2.2. Phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc xem xét, phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên cơ sở đề nghị của cơ quan thuộc Chính phủ; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và công khai trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí chính thức của Bộ Khoa học và Công nghệ và của cơ quan thuộc Chính phủ trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

4.2.3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- Kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được điều chỉnh, bổ sung theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sau khi có ý kiến thống nhất với cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất kế hoạch.

- Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

4.3. Việc lập và phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

4.3.1. Tùy theo điều kiện và yêu cầu quản lý, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc lập và phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường của địa phương. Kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương kèm theo thuyết minh được lập theo nội dung quy định tại mục 1, mục 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

4.3.2. Việc lập và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được thực hiện theo nội dung công việc tương ứng quy định tại tiết 4.1.1, 4.1.3 điểm 4.1 khoản 4 Mục này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi có sự thống nhất với Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý lĩnh vực chuyên ngành và cơ quan thuộc Chính phủ tương ứng.

Kế hoạch năm năm đã phê duyệt phải được thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và công khai trên trang tin điện tử (website) (nếu có) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

5. Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Nội dung của kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm: tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần xây dựng được sắp xếp theo chuyên ngành, lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; loại quy chuẩn kỹ thuật, tên tổ chức biên soạn dự thảo; thời gian thực hiện; kinh phí dự kiến và nguồn kinh phí; dự kiến kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật.

Việc lập, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện như sau:

5.1. Lập dự thảo kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Quý II hằng năm, căn cứ vào nhu cầu xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi đề nghị kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho năm sau bằng văn bản đến Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kèm theo dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để xem xét, tổng hợp.

Đề nghị kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm nội dung quy định tại mục 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm kế hoạch xây dựng mới và kế hoạch rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

- Căn cứ quy hoạch phát triển quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (nếu có), kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được phê duyệt và yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật được Chính phủ phân công quản lý, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc tổng hợp, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các đề nghị kế hoạch xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc xem xét dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với sự tham gia của đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và lập dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho năm sau.

Dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng năm bao gồm các nội dung quy định tại mục 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5.2. Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi dự thảo kế hoạch đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì lập và phê duyệt kế hoạch. Thời gian lấy ý kiến ít nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

5.3. Phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

Việc xem xét, phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện trong quý III của năm trước năm kế hoạch trong khuôn khổ xem xét, phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ theo hướng dẫn chung về kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5.3.1. Phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức việc xem xét, phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng² (sau đây viết tắt là Văn phòng TBT Việt Nam) và công khai trên tạp chí, ấn phẩm chính thức hoặc trang tin điện tử (website) của Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì lập và phê duyệt kế hoạch trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

5.3.2. Phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các cơ quan thuộc Chính phủ

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc xem xét, phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên cơ sở đề nghị của cơ quan thuộc Chính phủ; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, Văn phòng TBT Việt Nam và công khai trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí chính thức của Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì lập kế hoạch trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

² Cụm từ “Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” được sửa đổi bằng cụm từ “Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

5.4. Thực hiện kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ sáu tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu, thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

5.5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được điều chỉnh, bổ sung theo đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch có thể bao gồm: tiến độ, đối tượng, nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, kinh phí, bổ sung hoặc rút khỏi kế hoạch.

- Việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải được thực hiện trước ngày 01 tháng 10 hằng năm. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch về xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định tại điểm 5.2, 5.3 khoản 5 Mục này.

Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước, việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm được thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ chủ trì lập và phê duyệt kế hoạch.

6. Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Việc lập, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được thực hiện như sau:

6.1. Lập dự thảo kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quý II hằng năm, căn cứ vào nhu cầu xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi đề nghị kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho năm sau bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm theo dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương để xem xét, tổng hợp.

Đề nghị kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương bao gồm các nội dung quy định tại mục 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc xem xét dự án quy chuẩn kỹ thuật địa phương với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành và các sở, ban, ngành có liên quan của địa phương. Tùy theo nội dung, mức độ

phức tạp, quy mô ảnh hưởng của đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mời đại diện của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trực tiếp tham gia xem xét dự án hoặc xin ý kiến bằng văn bản.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho năm sau.

Dự thảo kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương bao gồm các nội dung quy định tại mục 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6.2. Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi dự thảo kế hoạch đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến.

- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức việc tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

6.3. Phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

- Việc xem xét, phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn địa phương được thực hiện vào quý III của năm trước năm kế hoạch, trong khuôn khổ xem xét, phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và theo hướng dẫn chung về kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc xem xét, phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương; thông báo đến các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của địa phương về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và công khai trên trang tin điện tử (website) (nếu có) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

6.4. Thực hiện kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ sáu tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu, thông báo

cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch về xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

6.5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

- Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương có thể được điều chỉnh, bổ sung theo đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch có thể bao gồm: tiến độ, đối tượng, nội dung của quy chuẩn kỹ thuật địa phương, kinh phí, bổ sung hoặc rút khỏi kế hoạch.

- Việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phải được thực hiện trước thời điểm kết thúc nhiệm vụ kế hoạch được đề nghị ít nhất là sáu tháng. Trình tự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương được thực hiện theo quy định tại điểm 6.2, 6.3 khoản 6 Mục này.

Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước tại địa phương, trình tự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm được rút ngắn để đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì lập và phê duyệt kế hoạch

IV. XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (bao gồm cả quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng) được quy định như sau:

1.1. Bước 1: Thành lập Ban soạn thảo

Tùy theo điều kiện cụ thể, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc chỉ định cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc (sau đây gọi chung là Ban soạn thảo) để xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

1.2. Bước 2: Biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Ban soạn thảo thực hiện các công việc sau:

1.2.1. Chuẩn bị việc biên soạn dự thảo:

- Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu có liên quan đến dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Chuẩn bị và thông qua đề cương chi tiết việc triển khai dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia kèm theo khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Các công việc khác có liên quan.

1.2.2. Triển khai việc biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Biên soạn dự thảo trên cơ sở khung nội dung dự thảo đã được Ban soạn thảo thống nhất và viết thuyết minh cho dự thảo.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến của các chuyên gia có liên quan đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo và trình Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để xem xét.

1.3. Bước 3: Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1.3.1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc xem xét dự thảo và thực hiện các công việc sau:

- Gửi dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia kèm theo thuyết minh đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến và đến Cơ quan thông báo và Điểm hỏi đáp cấp Bộ tương ứng để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO theo Quyết định số 09/2006/QĐ-BKH-CN ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quy trình thông báo và hỏi đáp của mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

- Đồng thời với việc gửi dự thảo đi lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Thời gian góp ý cho dự thảo ít nhất là sáu mươi ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến. Trong trường hợp cấp thiết, thời gian lấy ý kiến có thể ngắn hơn theo quyết định của Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

1.3.2. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Ban soạn thảo xử lý, tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và lập hồ sơ dự thảo quy chuẩn quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Nghị định số 127/2007/NĐ-CP).

1.3.3.³ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thẩm tra hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng để xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP và chuyển hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia kèm theo biên bản thẩm tra đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) để tổ chức thẩm định.

1.4. Bước 4: Thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện các công việc sau đây:

1.4.1. Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chuyển hồ sơ đến Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để hoàn chỉnh hồ sơ.

1.4.2. Tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo nội dung quy định tại Điều 33 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

1.4.3. Trên cơ sở kết quả thẩm định, lập hồ sơ thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

1.5. Bước 5: Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1.5.1 Đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (bao gồm cả quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành) do các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng, việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện như sau:

- Trường hợp nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ, cơ quan ngang Bộ hoàn thiện dự thảo và quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định;

³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

- Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

1.5.2. Đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện như sau:

- Trường hợp ý kiến thẩm định nhất trí với dự thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định;

- Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

2.1. Bước 1: Thành lập Ban soạn thảo

Tùy theo điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc chỉ định cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan của địa phương để xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương (sau đây gọi chung là Ban soạn thảo).

2.2. Bước 2: Biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Ban soạn thảo thực hiện việc biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo trình tự quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Mục này.

2.3. Bước 3: Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

2.3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc xem xét hồ sơ, gửi dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến và đến cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của địa phương tương ứng để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO theo Quyết định số 09/2006/QĐ-BKHCN ngày 04/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quy trình thông báo và hỏi đáp của mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Đồng thời với việc gửi dự thảo đi lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên trang tin điện tử (website) (nếu có)

hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân và Sở chuyên ngành tương ứng tại địa phương.

Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất phải là sáu mươi ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến. Trong trường hợp cấp thiết, thời gian lấy ý kiến có thể ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2.3.2. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Ban soạn thảo hoàn chỉnh lại dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và lập hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

2.3.3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đến Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định tại Điều 23 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP để tổ chức xem xét, cho ý kiến.

Trường hợp đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ, hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương phải được chuyển đến cơ quan thuộc Chính phủ tương ứng để tổ chức xem xét, cho ý kiến.

2.4. Bước 4: Xem xét, cho ý kiến về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc thực hiện các công việc sau đây:

2.4.1. Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ dự thảo quy chuẩn địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để hoàn chỉnh hồ sơ.

2.4.2. Xem xét dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo các nội dung sau:

- Sự phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế có liên quan;
- Sự bảo đảm không vi phạm các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hiện hành;
- Tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2.4.3. Thông báo bằng văn bản ý kiến về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Ý kiến về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương của cơ quan thuộc Chính phủ phải có sự thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2.5. Bước 4: Ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương được thực hiện như sau:

2.5.1. Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có ý kiến đồng ý với việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2.5.2. Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có ý kiến không đồng ý với việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Ban soạn thảo tổ chức nghiên cứu, xem xét các ý kiến không nhất trí để xử lý, hoàn chỉnh dự thảo, lập lại hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và gửi lấy ý kiến lại của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại tiết 2.3.3 điểm 2.3 khoản 2 của Mục này.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ được quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi có ý kiến đồng ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được phân công quản lý lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

V. RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, HỦY BỎ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Rà soát định kỳ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1.1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc rà soát định kỳ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại Điều 23 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ định cơ quan đầu mối thực hiện việc rà soát định kỳ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

1.2. Trình tự, thủ tục rà soát định kỳ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:

- Cơ quan đầu mối lập danh mục các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đến kỳ hạn phải rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Cơ quan đầu mối thực hiện việc rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo các tiêu chí quy định tại khoản 1, 2 Điều 33 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí khác có liên quan;

- Kết quả rà soát được lập thành các danh mục kèm theo bản giải trình, bao gồm: danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giữ nguyên hiệu lực; danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần sửa đổi, bổ sung, thay thế và danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần hủy bỏ. Trong từng danh mục, các quy chuẩn kỹ thuật đã được rà soát được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên;

- Cơ quan đầu mối lập hồ sơ rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, chuẩn bị báo cáo kết quả rà soát và kiến nghị việc đưa vào kế hoạch sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trình Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia xem xét.

1.3. Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định tổ chức việc rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sớm hơn định kỳ năm năm hoặc đột xuất.

2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật

2.1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật phải được đưa vào kế hoạch hàng năm về xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

2.2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc xem xét, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục tương ứng quy định tại Điều 32 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và quy định tại Mục IV của Thông tư này.

3. Hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Việc hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Cơ quan đầu mối quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP lập hồ sơ hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Hồ sơ hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm:

- 3.1. Bản quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đề nghị hủy bỏ;
- 3.2. Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học);
- 3.3. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);
- 3.4. Kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị;
- 3.5. Văn bản đề nghị hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- 3.6. Ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- 3.7. Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

4. Hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Việc hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 35 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao chủ trì xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương lập hồ sơ hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương. Hồ sơ hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương bao gồm:

- 4.1. Bản quy chuẩn kỹ thuật địa phương đề nghị hủy bỏ.
- 4.2. Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học).
- 4.3. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).
- 4.4. Kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị.
- 4.5. Văn bản đề nghị hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương.
- 4.6. Ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.
- 4.7. Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

5. Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật theo thủ tục, quy trình rút ngắn trên cơ sở đảm bảo tính khả thi, cơ sở khoa học và kinh phí cần thiết cho việc triển khai thực hiện.

VI. TRÌNH BÀY VÀ THỂ HIỆN NỘI DUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Bố cục quy chuẩn kỹ thuật

Bố cục của quy chuẩn kỹ thuật bao gồm những phần chính sau:

1.1. Phần quy định chung:

- Phạm vi điều chỉnh.
- Đối tượng áp dụng.
- Giải thích từ ngữ (nếu có).

1.2. Phần quy định về kỹ thuật:

Phần này viện dẫn tiêu chuẩn hoặc đưa ra các yêu cầu kỹ thuật cụ thể về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật mà đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật phải tuân theo để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Các yêu cầu kỹ thuật được quy định phải đánh giá được bằng các phương pháp và phương tiện hiện có ở trong nước hoặc nước ngoài.

1.3. Phần quy định về quản lý:

Phần này thể hiện cụ thể phương thức quản lý thích hợp đối với đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật như sau:

- Quy định về chứng nhận hợp quy (nêu rõ phương thức đánh giá sự phù hợp được lựa chọn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, các quy định có liên quan khác);

- Quy định về công bố hợp quy (nêu rõ cơ sở để công bố hợp quy là kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận, phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận hay là kết quả tự đánh giá của chính tổ chức thực hiện việc công bố);

- Phương thức kiểm tra;

- Quy định các hình thức quản lý khác (ví dụ: quy định về việc ghi nhãn, kiểm tra trên thị trường...);

- Phương pháp thử, phương pháp lấy mẫu;

- Các nội dung thích hợp khác.

1.4.⁴ (được bãi bỏ)

1.5.⁵ (được bãi bỏ)

1.6.⁶ Phần trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

Phần này quy định rõ trách nhiệm cụ thể của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tuân thủ các yêu cầu quy định tại phần quy định kỹ thuật và phần quy định quản lý của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

1.7.⁷ Phần quy định về tổ chức thực hiện

Phần này quy định cụ thể:

- Thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức triển khai, thực hiện quy chuẩn kỹ thuật;

- Lộ trình thực hiện cho các đối tượng khác nhau của quy chuẩn kỹ thuật (nếu có).

⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

⁵ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

1.8. Các phụ lục (nếu có).

Tùy theo đối tượng quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu quản lý, nội dung của quy chuẩn kỹ thuật có thể bao gồm tất cả các mục trên, giảm bớt hoặc bổ sung cho phù hợp.

2. Trình bày quy chuẩn kỹ thuật

Việc trình bày quy chuẩn kỹ thuật phải đảm bảo tính hệ thống, hiệu lực pháp lý và không được trái với văn bản pháp luật liên quan. Ngôn ngữ của quy chuẩn kỹ thuật phải nhất quán, chính xác, phổ thông; cách diễn đạt phải đơn giản, dễ hiểu. Các thuật ngữ chuyên môn cần xác định rõ nội dung phải được định nghĩa trong văn bản.

2.1. Trang bìa quy chuẩn kỹ thuật

- Quy chuẩn kỹ thuật phải có trang bìa trước và trang bìa sau.
- Mẫu trình bày trang bìa quy chuẩn kỹ thuật được quy định chi tiết tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các yếu tố sau đây:
 - + Hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện theo quy định của pháp luật về quốc huy;
 - + Dòng chữ “Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;
 - + Ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;
 - + Dòng chữ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” hoặc “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương”;
 - + Tên gọi của quy chuẩn kỹ thuật;
 - + Tên gọi đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật bằng tiếng Anh.
 - + Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật.
- Tên viết tắt tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.
- Trang 2 của quy chuẩn kỹ thuật là trang thể hiện lời nói đầu trong đó ghi rõ tổ chức biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan trình duyệt và cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật, số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật và các nội dung khác có liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật (ví dụ về thể hiện lời nói đầu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này).

2.2. Phần trống đầu trang (header) của các trang nội dung quy chuẩn kỹ thuật (trừ trang 3) in ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật tại vị trí phía bên phải của trang đối với các trang lẻ và phía bên trái của trang đối với các trang chẵn. Kiểu chữ

của ký hiệu in hoa, in đậm theo phong chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode).

2.3. Nguyên tắc đánh số thứ tự các hạng mục nội dung của quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

3. Thể thức trình bày quy chuẩn kỹ thuật:

- Khổ giấy của quy chuẩn kỹ thuật là khổ A4 (210mm x 297mm), sai số kích thước cho phép là $\pm 0,5$ mm.

- Phần nội dung (bản văn) của quy chuẩn kỹ thuật được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ thực hiện theo phong chữ Arial, cỡ chữ từ 12 đến 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode); khi xuống dòng, chữ đầu dòng có thể lùi vào từ 1 cm đến 1,27 cm (1 default tab); khoảng cách giữa các đoạn văn (paragraph) đặt tối thiểu là 6 pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng (line spacing) chọn tối thiểu từ cách dòng đơn (single line spacing) hoặc từ 15 pt (exactly line spacing) trở lên.

- Số trang quy chuẩn kỹ thuật được tính từ trang bìa trước cho đến trang cuối cùng của quy chuẩn. Số trang quy chuẩn kỹ thuật được in trên từng trang của quy chuẩn kỹ thuật tại chính giữa phần cuối trang giấy, trừ trang bìa.

- Ký hiệu và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật được in trên từng trang của quy chuẩn kỹ thuật ở góc ngoài phía mở của trang.

4. Khi thể hiện nội dung quy chuẩn kỹ thuật, tham khảo các hướng dẫn quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1-2.

5.⁸ Sử dụng đơn vị đo lường

Các đơn vị đo lường sử dụng trong quy chuẩn kỹ thuật phải tuân theo quy định pháp luật về đo lường.

Trong trường hợp do đặc thù của ngành, lĩnh vực cụ thể, nếu sử dụng hệ đơn vị đo lường khác, phải kèm theo giá trị quy đổi sang hệ đơn vị đo lường chính thức.

VII. THÔNG BÁO, PHỔ BIẾN, ĐĂNG KÝ, XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT

1. Việc thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng có trách nhiệm thông báo về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật trên công báo, trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của cơ quan trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật.

Việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật cần được thực hiện ngay sau khi quy chuẩn kỹ thuật được ban hành đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo và các hình thức thích hợp khác.

4. Việc đăng ký quy chuẩn kỹ thuật đã ban hành thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP.

Bản đăng ký quy chuẩn kỹ thuật được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức biên soạn, định kỳ in và phát hành hàng năm danh mục quy chuẩn kỹ thuật trên cơ sở bản đăng ký quy chuẩn kỹ thuật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức việc xuất bản và phát hành quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật được ban hành.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN⁹

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong phạm vi lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật được phân

⁹ Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 quy định như sau:

Điều 2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 3.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

công, căn cứ hướng dẫn tại Thông tư này, có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật cho các đối tượng được phân công quản lý. Khi cần thiết, có thể quy định chi tiết hoặc bổ sung các nội dung cụ thể về xây dựng và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật cho phù hợp với đặc thù của Bộ, ngành, địa phương.

2. Việc tổ chức áp dụng quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện cụ thể như sau:

2.1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện phổ biến và hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, định kỳ in và phát hành danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cơ sở thông báo chính thức của các Bộ, ngành, địa phương.

2.2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Tổng hợp và thông báo danh mục các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do mình ban hành cho Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Chủ động triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo, phổ biến, hướng dẫn áp dụng và các hoạt động liên quan khác nhằm đảm bảo việc thi hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2.3. Các cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo, phổ biến, hướng dẫn áp dụng và các hoạt động liên quan khác nhằm bảo đảm việc thi hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2.4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Tổng hợp và thông báo danh mục các quy chuẩn kỹ thuật địa phương do mình ban hành cho Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền, đào tạo và phổ biến, hướng dẫn áp dụng và các hoạt động có liên quan khác nhằm đảm bảo việc thi hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương tại địa phương.

2.5. Các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc sau:

- Nghiên cứu nắm vững nội dung, yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật đã ban hành để triển khai việc thực hiện đúng các nội dung quy định trong quy chuẩn kỹ thuật;

- Phản ánh kịp thời những nội dung không phù hợp được phát hiện trong quá trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật để xem xét, sửa đổi, bổ sung.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh cho Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 09/VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2015

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Việt Thanh

Phụ lục I
NỘI DUNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN
KỸ THUẬT QUỐC GIA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007
của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

...(Tên Bộ, ngành lập dự kiến quy hoạch)...

QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Từ năm.... đến năm...

1. Định hướng, chiến lược phát triển chuyên ngành
2. Quan điểm quy hoạch
3. Mục tiêu quy hoạch
 - 3.1. Mục tiêu tổng quát
 - 3.2. Mục tiêu cụ thể
4. Định hướng quy hoạch
5. Quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
 - 5.1. Lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần quy hoạch
 - 5.2. Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần xây dựng
 - 5.3. Phương thức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
 - 5.4. Tổng số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần xây dựng cho từng chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng
 - 5.5. Nguồn lực cho việc thực hiện quy hoạch
 - 5.6. Lộ trình thực hiện quy hoạch
 - 5.7. Bản tổng hợp quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo mẫu quy định tại biểu I của Phụ lục này.
6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch
7. Các phụ lục kèm theo (nếu có).

Biểu I

...(Tên Bộ, ngành xây dựng quy hoạch)...

**BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH XÂY DỰNG
 QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
 Từ năm.... đến năm.....**

TT	Chuyên ngành/ Lĩnh vực/đối tượng QCVN	Tổng số QCVN cần xây dựng	Lộ trình thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành A							
1.1	Lĩnh vực...							
1.1.1	Đối tượng....							
							
2	Chuyên ngành B							
2.1	Lĩnh vực...							
2.1.1	Đối tượng....							
							

Phụ lục II
NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM NĂM XÂY DỰNG
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

... (Tên Bộ, ngành lập kế hoạch)...

KẾ HOẠCH NĂM NĂM XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
Từ năm... đến năm....

TT	Chuyên ngành/ Lĩnh vực/ đối tượng cụ thể QCVN	Loại QCVN	Số lượng QCVN cần xây dựng					Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú	
			Tổng số	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Tổng số	NSNN		Nguồn khác
1	Chuyên ngành A											
1.1	Lĩnh vực...											
1.1.1	Đối tượng....											
.....											
2	Chuyên ngành B											
2.1	Lĩnh vực...											
2.1.1	Đối tượng....											
.....											

2. Bản thuyết minh kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
(kèm theo kế hoạch)

Nội dung chính của bản thuyết minh bao gồm các mục sau:

- Căn cứ xây dựng kế hoạch năm năm (phân tích sự liên quan và yêu cầu thực hiện theo quy hoạch phát triển quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, yêu cầu quản lý nhà nước, chương trình quốc gia, văn bản cấp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cam kết quốc tế, khu vực song phương và đa phương, v.v...);

- Mục tiêu;

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý trong lĩnh vực chuyên ngành được phân công;

- Xác định nhu cầu xây dựng QCVN trong từng lĩnh vực;
- Xác định đối tượng cụ thể và loại QCVN cần xây dựng;
- Dự kiến về khả năng bảo đảm nguồn kinh phí và kinh phí thực hiện;
- Dự kiến thời gian thực hiện;
- Kiến nghị biện pháp thực hiện;
- Các nội dung khác có liên quan;
- Các phụ lục kèm theo (nếu có).

3. Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

... (Tên Bộ, ngành xây dựng kế hoạch)...

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA NĂM...
(NĂM KẾ HOẠCH)**

TT	Chuyên ngành/Lĩnh vực/đối tượng QCVN	Tên QCVN	Loại QCVN	Tổ chức biên soạn xây dựng Dự Thảo QCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Ngân sách nhà nước	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành A									
1.1	Lĩnh vực...									
1.1.1	Đối tượng...									
									
2.	Chuyên ngành B									
2.1	Lĩnh vực...									
2.1.1	Đối tượng...									
									

Ghi chú: Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải kèm theo:

- Dự án xây dựng QCVN cho từng đối tượng QCVN hoặc nhóm đối tượng QCVN;
- Dự kiến chương trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng cho các QCVN được ban hành theo kế hoạch./.

Phụ lục III**MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**1. Tên gọi QCVN****2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của QCVN****3. Cơ quan, tổ chức/cá nhân đề nghị**

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....

4. Tình hình đối tượng quy chuẩn kỹ thuật trong nước và ngoài nước**5. Lý do và mục đích xây dựng QCVN**

- QCVN đáp ứng những mục tiêu quản lý nào sau đây:

+ Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật

+ Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

+ Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác (ghi rõ mục tiêu quản lý)

+ Bảo vệ lợi ích và an ninh

quốc gia

- QCVN dùng để: chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan

.....
+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

+ Quy chuẩn kỹ thuật chung

+ Quy chuẩn kỹ thuật an toàn

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường

- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ
- + Quy chuẩn kỹ thuật khác

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCVN

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

- | | | | |
|--|--------------------------|---|--------------------------|
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý | <input type="checkbox"/> | + An toàn thuốc bảo vệ thực vật | <input type="checkbox"/> |
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm, dịch vụ, quá trình | <input type="checkbox"/> | + An toàn thuốc thú y | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn sinh học | <input type="checkbox"/> | + An toàn chế phẩm sinh học và hóa chất dùng cho động thực vật | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cháy nổ | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất lượng môi trường xung quanh | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cơ học | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất thải | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn công nghiệp | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn xây dựng | <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn hóa học | <input type="checkbox"/> | + An toàn, vệ sinh trong dịch vụ kinh doanh, thương mại | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn điện | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ bưu chính viễn thông | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn thiết bị y tế | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ xây dựng | <input type="checkbox"/> |
| + Tương thích điện từ trường | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ khoa học, giáo dục | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn bức xạ và hạt nhân | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn vệ sinh thực phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ du lịch | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn dược phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn mỹ phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ vận tải | <input type="checkbox"/> |
| + Vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ môi trường | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn phân bón | <input type="checkbox"/> | + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác (liệt kê cụ thể) | <input type="checkbox"/> |

- Bố cục, nội dung các phần chính của QCVN (dự kiến):
- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không
(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng QCVN

- Phương thức thực hiện:
 - + Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn
 - + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác
 - + Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và các tài liệu khác
- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN (*bản sao kèm theo*):...

9. Kiến nghị ban soạn thảo QCVN

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCVN
(*tên cơ quan, tổ chức chủ trì biên soạn QCVN*)
- Ban soạn thảo soạn thảo QCVN
(*dự kiến thành viên ban soạn thảo*)

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCVN

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCVN:
- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCVN:
- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo QCVN:

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCVN		
2	Biên soạn dự thảo QCVN: - lấy ý kiến chuyên gia, - khảo nghiệm dự thảo, - hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCVN		
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi		
4	Tổ chức Hội nghị chuyên đề		
5	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
6	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
7	Ban hành QCVN		

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:.....

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:.....

(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)

- Nguồn khác:.....

b) Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: *(theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)*

....., ngày... tháng... năm 20...

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCVN

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

Phụ lục IV

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007
của Bộ Khoa học và Công nghệ)

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật****2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương****3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị**

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail.....

Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương + Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý nào dưới đây:

+ Đảm bảo an toàn + Bảo vệ động, thực vật + Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng + Bảo vệ môi trường + Các mục tiêu quản lý khác (ghi rõ mục tiêu quản lý) + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia - QCVN dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan.....

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

- + Yêu cầu về thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn)
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- + An toàn trong dịch vụ môi trường
- + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (liệt kê ở dưới)

- Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến;

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: có không

(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác
- + Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu
- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật (bản sao kèm theo):

9. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP

(tên cơ quan, tổ chức chủ trì biên soạn QCĐP)

- Ban soạn thảo soạn thảo QCĐP

(dự kiến thành viên ban soạn thảo QCĐP)

10. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCĐP		
2	Biên soạn dự thảo QCĐP: - Lấy ý kiến chuyên gia - Khảo nghiệm dự thảo (nếu có) - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCĐP)		
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi		
4	Tổ chức Hội nghị chuyên đề		
5	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt		
6	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt		
7	Ban hành QCĐP		

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:.....

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:.....

(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)

- Nguồn khác:.....

b) Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

....., ngày... tháng... năm 20...

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị dự án QCĐP

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

2. Bản thuyết minh kế hoạch năm năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (kèm theo kế hoạch)

Nội dung chính của bản thuyết minh bao gồm các mục sau:

- Căn cứ xây dựng kế hoạch năm năm (phân tích sự liên quan và yêu cầu thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan, các yêu cầu đặc thù khác của địa phương, v.v...);
- Mục tiêu;
- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý trong lĩnh vực, đối tượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù hoặc yêu cầu cụ thể về môi trường của địa phương;
- Xác định nhu cầu xây dựng QCĐP cho các lĩnh vực, đối tượng đặc thù và yêu cầu môi trường của địa phương;
- Xác định lĩnh vực, đối tượng cụ thể cần xây dựng QCĐP và loại QCĐP;
- Dự kiến về khả năng nguồn kinh phí và kinh phí thực hiện;
- Dự kiến thời gian thực hiện;
- Kiến nghị biện pháp thực hiện;
- Các nội dung khác có liên quan;
- Các phụ lục kèm theo (nếu có).

3. Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

...*Tên UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW*...

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG NĂM:...(NĂM KẾ HOẠCH)

TT	Lĩnh vực, đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Cơ quan, tổ chức đề nghị
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1									
2								

Ghi chú: Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phải kèm theo các dự án xây dựng QCVN cho từng đối tượng QCVN hoặc nhóm đối tượng QCVN./.

Phụ lục VI**TRÌNH BÀY TRANG BÌA VÀ TRANG 2 CỦA QUY CHUẨN KỸ THUẬT**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ)***1. Mẫu trang bìa Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

Ví dụ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng và nhiên liệu điêzen do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành năm 2007 theo quy định tại mẫu 1 của Phụ lục này

2. Mẫu trang bìa Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Ví dụ quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải cho vùng ven biển do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành năm 2008 theo quy định tại mẫu 2 của Phụ lục này.

Mẫu 1



(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)

QCVN 1:2007/BKHCN (3)

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (4)
VỀ XĂNG VÀ NHIÊN LIỆU ĐIEZEN (5)**

National technical regulation on Gasoline and diesel fuel (6)

HÀ NỘI - 2007 (7)

Chú thích Mẫu 1:

- (1) Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam
Hình khối vuông, mỗi cạnh 3 cm.
- (2) Dòng chữ “Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), không in đậm
- (3) Ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
- (4) Dòng chữ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia”
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
- (5) Tên của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bằng tiếng Việt
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
- (6) Tên đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bằng tiếng Anh tương ứng với phần tiếng Việt tại mục (4) và Mục (5)
Kiểu chữ in thường theo phong chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in nghiêng, đậm
- (7) Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm.

Mẫu 2



(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)

QCĐP 1:2008/KH (3)

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG (4)

VỀ NƯỚC THẢI CHO VÙNG VEN BIỂN (5)

Local technical regulation on Inshore water discharge (6)

NHA TRANG - 2008 (7)

Chú thích Mẫu 2:

- (1) Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam
Hình khối vuông, mỗi cạnh 3 cm.
- (2) Dòng chữ “Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), không in đậm
- (3) Ký hiệu đầy đủ quy chuẩn kỹ thuật địa phương
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
- (4) Dòng chữ “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương”
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
- (5) Tên của quy chuẩn kỹ thuật địa phương bằng tiếng Việt
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
- (6) Tên đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật địa phương bằng tiếng Anh tương ứng với phần tiếng Việt tại mục (4) và Mục (5)
Kiểu chữ in thường theo phong chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in nghiêng, đậm
- (7) Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương
Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm

3. Ví dụ về thể hiện lời nói đầu của quy chuẩn kỹ thuật

a) Đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Lời nói đầu

- QCVN 1:2007/(*Tên viết tắt của Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành QCVN*) do (*Tên đơn vị hoặc ban soạn thảo được thành lập*) biên soạn, (*Tên cơ quan trình duyệt*) trình duyệt, (*Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ*) ban hành theo Quyết định số.../2007/QĐ- (*Tên viết tắt của Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành QCVN*) ngày... tháng... năm 2007.

- Các nội dung khác liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nếu thấy cần thiết

b) Đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Lời nói đầu

- QCĐP 1:2007/(Tên viết tắt của UBND tỉnh, thành phố ban hành QCĐP) do (Tên đơn vị hoặc ban soạn thảo được thành lập) biên soạn, (Tên cơ quan trình duyệt) trình duyệt, (Tên UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW) ban hành theo Quyết định số.../2007/QĐ- (Tên viết tắt của UBND tỉnh, thành phố ban hành QCĐP) ngày... tháng... năm 2007.

- Các nội dung khác liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương nếu thấy cần thiết.

Phụ lục VII
TÊN VIẾT TẮT TÊN BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

TT	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ	Tên viết tắt
1	Bộ Quốc phòng	BQP
2	Bộ Công an	BCA
3	Bộ Ngoại giao	BNG
4	Bộ Tư pháp	BTP
5	Bộ Tài chính	BTC
6	Bộ Công Thương	BCT
7	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	BLĐTBXH
8	Bộ Giao thông Vận tải	BGTVT
9	Bộ Xây dựng	BXD
10	Bộ Thông tin và Truyền thông	BTTTT
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGDĐT
12	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BNNPTNT
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	BKHĐT
14	Bộ Nội vụ	BNV
15	Bộ Y tế	BYT
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	BKHCN
17	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	BVHTTDL
18	Bộ Tài nguyên và Môi trường	BTNMT
19	Thanh tra Chính phủ	TTrCP
20	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	NHNN
21	Ủy ban Dân tộc	UBDT
22	Văn phòng Chính phủ	VPCP

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

TT	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tên viết tắt
1	UBND TP. Hà Nội	TPHN
2	UBND TP. Hồ Chí Minh	TPHCM
3	UBND tỉnh An Giang	AG
4	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	BR-VT
5	UBND tỉnh Bạc Liêu	BL
6	UBND tỉnh Bắc Giang	BG
7	UBND tỉnh Bắc Kạn	BC
8	UBND tỉnh Bắc Ninh	BN
9	UBND tỉnh Bến Tre	BTr
10	UBND tỉnh Bình Dương	BD
11	UBND tỉnh Bình Định	BĐ
12	UBND tỉnh Bình Phước	BP
13	UBND tỉnh Bình Thuận	BTrn
14	UBND tỉnh Cao Bằng	CB
15	UBND tỉnh Cà Mau	CM
16	UBND TP. Cần Thơ	TPCT
17	UBND TP. Hải Phòng	TPHP
18	UBND TP. Đà Nẵng	TPĐN
19	UBND tỉnh Gia Lai	GL
20	UBND tỉnh Hòa Bình	HB
21	UBND tỉnh Hà Giang	HG
22	UBND tỉnh Hà Nam	HN
23 ¹⁰	(Được bãi bỏ)	(Được bãi bỏ)
24	UBND tỉnh Hà Tĩnh	HTh
25	UBND tỉnh Hưng Yên	HY
26	UBND tỉnh Hải Dương	HD
27	UBND tỉnh Hậu Giang	HGg
28	UBND tỉnh Điện Biên	ĐB
29	UBND tỉnh Đắk Lắk	ĐL
30	UBND tỉnh Đắk Nông	ĐNg

¹⁰ Tên “Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

TT	UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tên viết tắt
31	UBND tỉnh Đồng Nai	ĐN
32	UBND tỉnh Đồng Tháp	ĐT
33	UBND tỉnh Khánh Hòa	KH
34	UBND tỉnh Kiên Giang	KG
35	UBND tỉnh Kon Tum	KT
36	UBND tỉnh Lai Châu	LCh
37	UBND tỉnh Long An	LA
38	UBND tỉnh Lào Cai	LC
39	UBND tỉnh Lâm Đồng	LĐ
40	UBND tỉnh Lạng Sơn	LS
41	UBND tỉnh Nam Định	NĐ
42	UBND tỉnh Nghệ An	NA
43	UBND tỉnh Ninh Bình	NB
44	UBND tỉnh Ninh Thuận	NT
45	UBND tỉnh Phú Thọ	PT
46	UBND tỉnh Phú Yên	PY
47	UBND tỉnh Quảng Bình	QB
48	UBND tỉnh Quảng Nam	QNm
49	UBND tỉnh Quảng Ngãi	QNg
50	UBND tỉnh Quảng Ninh	QN
51	UBND tỉnh Quảng Trị	QT
52	UBND tỉnh Sóc Trăng	ST
53	UBND tỉnh Sơn La	SL
54	UBND tỉnh Thanh Hóa	TH
55	UBND tỉnh Thái Bình	TB
56	UBND tỉnh Thái Nguyên	TN
57	UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế	TT-H
58	UBND tỉnh Tiền Giang	TG
59	UBND tỉnh Trà Vinh	TV
60	UBND tỉnh Tuyên Quang	TQ
61	UBND tỉnh Tây Ninh	TN
62	UBND tỉnh Vĩnh Long	VL
63	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	VP
64	UBND tỉnh Yên Bái	YB

Ghi chú: Tên viết tắt được thực hiện theo nguyên tắc tương ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 161/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật./.

Phụ lục VIII**MẪU BẢN ĐĂNG KÝ QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Số:... *(số thứ tự đăng ký/năm đăng ký)*

1	Tên Bộ/cơ quan ngang Bộ/UBND tỉnh, thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật:
2	Số quyết định, ngày ban hành:
3	Ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật:
4	Lần ban hành, sửa đổi (nếu có):
5	Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật:.....
6	Phạm vi, đối tượng điều chỉnh:.....
7	Tóm tắt nội dung:.....
8	Số trang:
9	Thời gian có hiệu lực:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện cơ quan đăng ký

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)